

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-PT

Ngày 10 - 11 - 2020

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phạm Tố Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2020/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định bị Kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 148/2020/QĐ-PT ngày 08/10/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B; cư trú tại: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Mạnh C; cư trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Nguyễn Trần Thiên V; cư trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (Giấy ủy quyền ngày 15/3/2019) (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Bích Th (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Mạnh H (có mặt).

3. Bà Trần Thị M (có mặt).

Cùng cư trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

4. Bà Nguyễn Thị D; cư trú tại: Số nhà 287 đường Phan Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bà Nguyễn Thị Ng (vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Mạnh Cư (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Thôn Quảng Nghiệp, xã Phước Hưng, huyện T, tỉnh Bình Định.

7. Bà Nguyễn Thị Ch; cư trú tại: Thôn Định Thiện Tây, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

8. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh; cư trú tại: Số nhà 192A đường Nguyễn Thái Học, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà Ch và bà Nhung: bà Nguyễn Thị B (Giấy ủy quyền ngày 4/6/2020).

9. Ông Nguyễn Văn H; cư trú tại: Số 33 tổ 4, thôn 1, xã D, huyện D, tỉnh K (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị B là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Cha của bà tên Nguyễn Mạnh C (chết ngày 06/01/2008 âm lịch), mẹ của bà tên Huỳnh Thị Ph (chết ngày 29/6/2009). Cha mẹ của bà có 04 người con chung là Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Bích Th, Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Thị D. Ngoài ra cụ C còn có quan hệ như vợ chồng với bà Trần Thị Ngọc Liêm và bà Nh (không rõ họ tên cụ thể), cụ C và bà Liêm có 05 người con tên Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Mạnh Cư, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị Tuyết Nh và Nguyễn Mạnh H. Cụ C và bà Nh có một người con tên Nguyễn Văn H.

Cha mẹ bà chết để lại 01 ngôi nhà cấp 3 đúc 01 mê trước ngôi nhà này là nhà quán một mái xây trên thửa đất có Cều rộng giáp đường đi Phước Hòa – An Nhơn là 18m, chiều dài 50m do vợ chồng ông C bà M đang quản lý sử dụng và 01 ngôi nhà cấp 4 (nhà từ đường), mái lợp ngói xây trên thửa đất có diện tích là 350m² do ông Nguyễn Mạnh H đang quản lý sử dụng. Các tài sản này đều tọa lạc tại thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bà yêu cầu chia di sản thừa kế là ngôi nhà cấp 3 đúc 01 mê và nhà quán nói trên và bà yêu cầu nhận bằng hiện vật để cho các con bà ở và thờ cúng vì các con bà hiện không có chỗ ở, các di sản khác bà không yêu cầu gì, bà cũng không tranh chấp tài sản nào khác. Bà đồng ý với bản án phúc thẩm lần thứ nhất, bà không đồng ý với nhận định của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng diện tích đất 605m², thuộc thửa đất số 325, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại thôn Đ, xã P mà cha mẹ bà chết để lại là đất của chùa Viên Quang, do cha bà mượn dựng trại mua bán gỗ lấy lãi phục vụ cách mạng và sau khi cha bà trả lại đất cho chùa Viên Quang, thì ông C đã đến Cắm dựng để ở là hoàn toàn bịa đặt, không đúng. Mà nguồn gốc thửa đất này trước đây là đất ruộng mà chế độ cũ đã cấp cho gia đình bà để trồng lúa, nhưng sau đó vì cha mẹ bà được ông bà của bà để lại ruộng nhiều, nên vào năm 1969 cha bà đã cất nhà rầm mua bán gỗ trên thửa đất này. Đến năm 1972 sau khi giải phóng, cách mạng không cho buôn bán, kinh doanh gỗ nữa nên năm 1975 cha bà đã phá dỡ nhà rầm và cất lên nhà mê. Sau khi cất nhà xong năm 1976 cha bà cất thêm nhà quán trước nhà chính để mua bán hòm. Sau khi Quyết định giám đốc thẩm số: 27/2017/DS-GĐT ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tuyên hủy Bản án sơ thẩm số: 168/2012/DS-ST ngày 21/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện T, Bản án phúc thẩm số: 58/2013/DS-PT ngày 26/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện T thụ lý lại đến nay bà không có chứng cứ gì mới để nộp cho Tòa án. Bà thống nhất giá trị tài sản đang tranh chấp là nhà và đất theo Biên bản định giá tài sản ngày 26/7/2012 đã định giá, bà không yêu cầu định giá lại. Hiện nay tài sản đang tranh chấp do ông C quản lý sử dụng so với năm 2012 không có gì thay đổi nên bà không yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ lại.

Nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà trước đây là yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ bà chết để lại là 01 ngôi nhà cấp 3 đúc 01 mê và nhà quán gắn với quyền sử dụng đất diện tích 605m², thuộc thửa đất số 325, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại thôn Đ, xã P mà hiện nay vợ chồng ông Nguyễn Mạnh C và bà Trần Thị M đang quản lý sử dụng. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Mạnh C, ông Nguyễn Trần Thiên V trình bày:

Ông là con của ông Nguyễn Mạnh C, ông C giữ nguyên lời khai của mình trước đây. Về quan hệ gia đình ông C thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị B. Về tài sản là 01 ngôi nhà cấp 3 đúc 01 mê và nhà quán gắn liền quyền sử dụng đất thuộc thửa đất diện tích 605m², thuộc thửa đất số 325, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại thôn Đ, xã P không phải là di sản của vợ chồng cụ Nguyễn Mạnh C và cụ Huỳnh Thị Ph chết để lại. Vì trước năm 1975, cha của ông C là cụ Nguyễn Mạnh C có mượn đất của chùa Viên Quang để dựng lán trại tập kết mua bán gỗ lấy lãi phục vụ cách mạng, năm 1976 cụ C trả lại đất cho chùa thì ông C đến chiếm dụng để ở. Năm 1977 cụ C xây cho ông C một căn nhà cấp 3 để năm 1979 ông C lập gia đình ra ở riêng. Khi vợ chồng cụ C còn sống, ông C đã nhiều lần sửa chữa nhà cấp 3 và xây dựng thêm nhiều công trình khác. Vào năm 2003 ông C xây dựng tường rào bao quanh thửa đất số 325, vợ chồng cụ C và các anh chị em của ông C biết nhưng không ai phản đối, thửa đất ông C sử dụng và đóng thuế riêng biệt với thửa đất vợ chồng cụ C sử dụng. Năm 1993, 1994 khi thực hiện nghị định số: 64-NĐ của Chủ phủ thì dựa trên cơ sở kê khai của hộ ông C, chính quyền địa phương đã giao thửa đất 325 cho hộ ông C sử dụng theo nguyên tắc cân đối với đất nông nghiệp.

Nay bà B yêu cầu chia di sản thừa kế là một ngôi nhà cấp 3 đúc 01 mê và nhà quán gắn liền với đất diện tích 605m², thuộc thửa đất số 325, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại thôn Đ, xã P thì ông C không đồng ý, vì thửa đất này là của cha ông C mượn của chùa Viên Quang để ở từ trước năm 1977. Ông C được cụ C xây dựng cho căn nhà cấp 3 và hộ gia đình ông C sử dụng cho đến khi có tranh chấp đã trên 30 năm. Ông C đã đăng ký kê khai và đóng thuế hàng năm đầy đủ cho Nhà nước và đã được Nhà nước cấp các loại giấy tờ theo quy định của luật đất đai năm 2003 nên có quyền sử dụng đất này. Mặt khác ông C sử dụng đất có nhà ở cấp 3 nói trên từ năm 1977 nên theo Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì người sở hữu hợp pháp nhà ở, cây lâu niên, vật kiến trúc trên đất trước ngày 15/10/1993 có quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản đó.

Sau khi Quyết định giám đốc thẩm số: 27/2017/KDTM-GĐT ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội tuyên hủy Bản án sơ thẩm số: 168/2012/DSST, ngày 21/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện T và Bản án phúc thẩm số: 58/2013/DSPT, ngày 26/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện T thụ lý lại đến nay ông C không có

chứng cứ gì mới để nộp cho Tòa án. Ông thống nhất giá trị tài sản đang tranh chấp là nhà và đất theo biên bản định giá tài sản ngày 26/7/2012 đã định giá và ông không yêu cầu định giá lại. Hiện nay tài sản đang tranh chấp do ông C đang quản lý sử dụng so với năm 2012 không có gì thay đổi nên ông không yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M trình bày: Bà vẫn giữ lời khai ở các giai đoạn tố tụng trước đây và hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Mạnh C về quan hệ gia đình, nguồn gốc tài sản đang tranh chấp và ý kiến phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích Th trình bày:

Bà công nhận lời khai của bà B về quan hệ gia đình, về nguồn gốc di sản đang tranh chấp. Bà giữ nguyên yêu cầu của bà trước đây là yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ bà chết để lại và xin nhận bằng hiện vật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết Nh trình bày: Nguồn gốc di sản đang tranh chấp là một ngôi nhà cấp 3 đúc 01 mê và nhà quán gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 605m², thuộc thửa đất số 325, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại thôn Đ, xã P là của cha mẹ bà là cụ C, cụ Ph chết để lại. Từ năm 1975 đến năm 2008, 2009 cha mẹ bà đều sinh hoạt và ăn ở trong ngôi nhà này.

Bà giữ nguyên yêu cầu của bà trước đây là yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ bà chết để lại là 01 ngôi nhà cấp 3 đúc 01 mê và nhà quán gắn liền với đất diện tích 605m², thuộc thửa đất số 325, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại thôn Đ, xã P bà xin nhận bằng hiện vật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Bà công nhận lời khai của bà B về quan hệ gia đình là đúng. Về nguồn gốc di sản đang tranh chấp bà thống nhất như lời trình bày của bà B, bà Nh.

Bà giữ nguyên yêu cầu của bà trước đây là yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ bà chết để lại và xin nhận bằng hiện vật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch trình bày: Bà công nhận lời khai của bà Bình về quan hệ gia đình là đúng. Về nguồn gốc di sản đang tranh chấp bà thống nhất như lời trình bày của bà Nhung. Bà giữ nguyên yêu cầu của bà trước đây là yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ bà chết để lại và xin nhận bằng hiện vật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mạnh Cư trình bày: Ông công nhận lời khai của bà B về quan hệ gia đình là đúng. Về nguồn gốc di sản đang tranh chấp ông thống nhất như lời trình bày của bà B, bà Nh. Ông giữ nguyên yêu cầu của ông trước đây là yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ bà chết để lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mạnh H trình bày: Ông công nhận lời khai của bà B về quan hệ gia đình là đúng. Về nguồn gốc di sản đang tranh chấp ông thống nhất như lời trình bày của bà B. Ông giữ nguyên yêu cầu của bà trước đây là yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ ông chết để lại và xin nhận hiện vật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày:

Nguồn gốc di sản đang tranh chấp là một ngôi nhà cấp 3 dúc 01 mê và nhà quán gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 605m², thuộc thửa đất số 325, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại thôn Đ, xã P là tài sản riêng của ông Nguyễn Mạnh C. Bà không có yêu cầu độc lập mà bà yêu cầu Tòa án xét xử công nhận tài sản đang tranh chấp nói trên là của ông C như Quyết định giám đốc thẩm số: 27/2017/KDTM – GĐT ngày 22/8/2017 của Tòa án cấp cao Đà Nẵng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông thống nhất trình bày như lời trình bày về nguồn gốc tài sản đang tranh chấp và yêu cầu về việc giải quyết vụ án của bà Nguyễn Thị D.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2020/DS-ST ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Bích Th, ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Mạnh Cư, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Tuyết Nh.

Ngôi nhà cấp 3 và nhà quán cùng với quyền sử dụng đất gắn liền có diện tích 605m², thuộc thửa đất số 325, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định không phải là di sản của vợ chồng cụ C, cụ Ph để xem xét chia thừa kế theo pháp luật.

Ông Nguyễn Mạnh C và bà Trần Thị M có quyền đến các cơ quan chức năng để kê khai đăng ký quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất 605m² thuộc thửa

đất số 325, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, phần án phí đã thi hành theo Bản án dân sự phúc thẩm số: 58/DS-PT ngày 26/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 17/6/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2020/DS-ST ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX phúc thẩm nhận định.

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

[1.1] Vợ chồng cụ Nguyễn Mạnh C và cụ Huỳnh Thị Ph có 04 người con chung là bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Thuận, ông Nguyễn Mạnh C và bà Nguyễn Thị D. Cụ C còn chung sống như vợ chồng với cụ Trần Thị Ngọc L và sinh được 05 người con là bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Mạnh C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Tuyết Nh và ông Nguyễn Mạnh H và cụ C cũng chung sống như vợ chồng với cụ Nh (không rõ họ tên) sinh được 01 người con là ông Nguyễn Văn H. Cụ C chết ngày 06/01/2008 (âm lịch) và cụ Ph chết ngày 29/06/2009 đều không để lại di chúc.

[1.2] Nguồn gốc ngôi nhà cấp 3 và ngôi nhà quán cấp 4 đang tranh chấp: Ngôi nhà cấp 3 đúc 1 mê là của cụ Nguyễn Mạnh C xây dựng cho ông Nguyễn Mạnh C, việc này được những người làm chứng sống lâu năm tại địa phương và

hai con của cụ C, cụ Ph là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D đều xác nhận là vào năm 1977 cụ C xây cho ông Nguyễn Mạnh C căn nhà cấp 03 trên đất và năm 1979 ông C lập gia đình ra ở riêng trên mảnh đất này, còn ngôi nhà quán cấp 4 có nguồn gốc là do vợ chồng ông C xây dựng trong quá trình ở trên thửa đất số: 325, tờ bản đồ số 14 (bút lục số: 116, 152, 158, 162, 163, 164, 165, 184, 604, 605, 612, 614, 624, 625, 787, 792, 793).

[1.3] Qua quá trình quản lý, sử dụng ngôi nhà cấp 03 nói trên, vợ chồng ông C đã sửa chữa, tôn tạo, xây mới nhiều lần, cụ thể: Năm 1979 xây thêm nhà quán cấp 04, rộng 30m² trước nhà chính (nhà cấp 3), năm 1980 xây thêm nhà vệ sinh, năm 1983 xây thêm nhà cấp 4 nối liền phía sau nhà chính, năm 1986 sửa tầng lầu và chống thấm sân thượng nhà chính, năm 1992 sửa và nới rộng phòng khách nhà chính, năm 2003 sửa lại nhà chính và làm mới cửa sắt kéo, xây thêm cổng, tường rào bao quanh thửa đất, xây thêm nhà vệ sinh trong nhà chính, đóng giếng, mua bồn nước và lắp đặt hệ thống ống nước, năm 2008 sửa nhà quán, nâng nền và sửa nhà cấp 4 do bão làm hư hại (bút lục số: 112, 113, 114, 128, 148, 153, 156). Việc vợ chồng ông C sửa chữa, xây dựng thêm các công trình nêu trên vợ chồng cụ C và các anh chị em của ông C đều biết, nhưng không ai phản đối hoặc có tranh chấp, điều này chứng tỏ việc tặng cho ngôi nhà cấp 3 đúc 1 mê giữa vợ chồng cụ C và vợ chồng ông C đã hoàn thành. Nguyên đơn còn cho rằng nhà quán cấp 4 là di sản của vợ chồng cụ C để lại và yêu cầu chia nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Do đó, lời ông C nại ngôi nhà cấp 3 đúc 01 mê và nhà quán cấp 4 không phải là di sản của vợ chồng cụ Nguyễn Mạnh C và cụ Huỳnh Thị Ph chết để lại là có cơ sở.

[2] Nguồn gốc thửa đất số: 325, tờ bản đồ số 14, diện tích 605m², tọa lạc tại tổ 02, thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định mà các bên đang tranh chấp là một phần diện tích đất mà chính quyền địa phương đã giao cho chùa Viên Quang vào năm 1972. Nguồn gốc đất chính quyền địa phương giao cho Chùa Viên Quang nguyên là thửa số 312, tờ bản đồ số 02, diện tích 00ha, 88a, 60m², do cụ Trần Tố (sinh năm 1917 ở thôn Định Thiện) cúng dường cho Giáo hội phật giáo Việt Nam Thống Nhất xã P ngày 29/10/1972, Giáo hội phật giáo Việt Nam Thống Nhất xã P để lại 16a20 xây dựng chùa Viên Quang do cố Nguyễn T (là cha cụ Nguyễn Mạnh C) trụ trì. Trước năm 1975, cụ C mượn 605m² đất, thuộc thửa số: 325, tờ bản đồ số 14 để dựng lán trại, mua bán gỗ, lấy lãi để phục vụ cách mạng. Năm 1976, cụ C tháo dỡ lán trại trả lại đất cho chùa Viên Quang nhưng ông Nguyễn Mạnh C chưa có chỗ ở nên vào chiếm dụng đất để ở. Theo cung cấp thông tin của UBND xã P, huyện T thì hộ ông C đã đăng ký kê khai trong Sổ mục kê theo Nghị định số: 64-

CP 27/09/1993 của Chính phủ 832m² đất gồm: 200m² đất ở và 623m² đất vườn (bút lục số: 686, 687) và tại Công văn số: 300/VPĐK-TTLT ngày 16/03/2017, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định khẳng định: “*Thửa đất số 325, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại tổ 02, thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định đã được cân đối đất nông nghiệp theo Nghị định 64-CP ngày 27/09/1993 của Chính phủ cho ông Nguyễn Mạnh C theo Bộ diện tích cân đối giao quyền ruộng đất năm 1993 của thôn Đ, xã P, lập ngày 21/07/1993*” (bút lục số: 695). Mặt khác, ông C chiếm dụng đất của Chùa Viên Quang để ở từ năm 1977 và cũng trong năm này ông C được cụ C xây dựng cho căn nhà cấp 03 và hộ gia đình ông C sử dụng đến khi có tranh chấp (nguyên đơn khởi kiện ngày 21/01/2010) là đã trên 30 năm, ông C đã đăng ký kê khai và hàng năm đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước và được Nhà nước cấp các loại Giấy tờ theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 nên có quyền sử dụng thửa đất này. Hơn nữa, ông C sử dụng thửa đất số: 325, tờ bản đồ số 14 trên có nhà cấp 03 từ 1977 nên theo quy định tại điểm b.3, tiểu mục 2.2, mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/08/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hộ ông C (là người sở hữu hợp pháp nhà ở, cây lâu niên và vật kiến trúc trên đất trước thời điểm ngày 15/10/1993) có quyền sử dụng thửa đất số: 325, tờ bản đồ số 14.

[2.1] Vợ chồng cụ C và cụ Ph ở trên thửa đất khác tại tổ 03 thôn Đ, xã P cách nhà ông C khoảng 500m và có Sổ hộ khẩu riêng (bút lục số: 64, 65), còn gia đình ông C ở trên thửa đất tại tổ 02 cùng thôn Đ và có Sổ hộ khẩu riêng (Bút lục số: 70, 71, 72). Theo Sổ mục kê (còn gọi là sổ đăng ký ruộng đất) do UBND xã P lập thì cụ C đăng ký kê khai sử dụng thửa đất số: 274, tờ bản đồ số 13, tại tổ 03 thôn Đ (thửa đất này hiện nay gia đình ông Nguyễn Mạnh H quản lý, sử dụng (bút lục số: 09, 57, 59, 61, 62, 63), còn ông C đăng ký kê khai sử dụng thửa đất số: 325, tờ bản đồ số 14, diện tích 832m², tại tổ 02, thôn Đ, xã P (Bút lục số: 08).

[2.2] Nhà nước chỉ thu thuế đất mỗi năm 01 lần đối với 01 thửa đất. Tuy nhiên các Biên lai đóng thuế lại thể hiện ông C đóng thuế đất các năm 1996, 1997, 1998, 1999, 2001, 2004, 2009, 2010 (bút lục số: 357, 359, 361, 362, 364, 365), cụ C đóng thuế đất các năm 1996, 1998, 2001, 2006 (bút lục: 351, 352, 353, 355) là có sự trùng nhau ở các năm 1996, 1998, 2001. Hơn nữa, theo Thông báo nộp thuế ngày 31/03/2005 (bút lục số: 344) thì cụ C phải đóng thuế nông nghiệp và thuế đất tại “*Nhà tổ 03*”, điều đó chứng tỏ cụ C sử dụng và nộp thuế nhà đất tại tổ 03 thôn Đ, xã P, còn ông C sử dụng và đóng thuế nhà đất tại tổ 02 thôn Đ, xã P. Do đó có thể khẳng định ông C và cụ C sử dụng 02 thửa đất khác nhau nên phải đóng thuế 02 thửa đất riêng biệt.

[3] Từ những phân tích trên có đủ căn cứ khẳng định ngôi nhà cấp 03 và nhà quán cấp 4 gắn liền với 605m² đất thuộc thửa đất số: 325 tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định không phải là di sản của vợ chồng cụ Nguyễn Mạnh C và cụ Huỳnh Thị Ph chết để lại nên không được xem xét để chia thừa kế. Tòa án nhân dân huyện T tuyên bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B là có căn cứ và giải quyết lại vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành theo Bản án dân sự phúc thẩm số: 58/DS-PT ngày 26/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện T tuyên bác yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Bích Th, ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Mạnh Cu, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Tuyết Nh và buộc những người này chịu án phí dân sự sơ thẩm, C phí tố tụng khác cũng như tuyên việc vợ chồng ông C, bà M có quyền đến các cơ quan chức năng để kê khai đăng ký quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất là không đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 68, Điều 147, 157, 165, 166, 188 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bởi lẽ: Bà Nguyễn Thị B đã tham gia vụ án với tư cách là nguyên đơn nên không được xác định thêm tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà Th, ông H, ông Cu, bà Ng, bà Nh, bà Ch là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có yêu cầu độc lập và yêu cầu chia di sản thừa kế của họ chỉ là ý kiến phản đối hoặc thống nhất đối với yêu cầu của nguyên đơn hoặc bị đơn (tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc bên bị đơn) nên Tòa án không thụ lý xem xét giải quyết yêu cầu của họ như là yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên họ không phải chịu án phí, C phí tố tụng như nguyên đơn. Việc tuyên về quyền được đăng ký quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất của vợ chồng ông C là vượt quá phạm vi khởi kiện, yêu cầu của đương sự. Xét thấy một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị B là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2020/DS-ST ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

[4] Về án phí, C phí tố tụng khác và nghĩa vụ đã được thi hành:

[4.1] Về án phí: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì bà Nguyễn Thị B được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm (do bà Bình là người cao tuổi và có Đơn

đề nghị miễn án phí). Bà Th, ông H, ông Cư, bà Ng, bà Nh, bà Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Mạnh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4.2] C phí tố tụng khác: C phí định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp là 2.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B phải chịu toàn bộ C phí này theo quy định tại các Điều 157, 165, 166 của Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền này bà Bình đã ứng C xong.

[4.3] Về việc giải quyết lại nghĩa vụ đã được thi hành: Theo Bản án dân sự phúc thẩm số: 58/DS-PT ngày 26/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và Công văn số: 150/CCTHADS ngày 6/5/2020 của chi cục thi hành án dân sự huyện T, thì chi cục thi hành án dân sự huyện T phải hoàn trả lại cho: Bà B, bà Thuận, ông H, ông Cư, bà Nga, bà Nh, bà Ch, ông C tiền án phí họ đã nộp theo Bản án và Công văn nói trên.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX. Về việc giải quyết vụ án có một số vấn đề nhận định chưa phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 68, Điều 147, 157, 165, 166, khoản 3 Điều 266, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 609, 611, 612, 613 của Bộ Luật dân sự 2015; các Điều 10, 50 Luật đất đai năm 2003; Nghị định số: 64-CP ngày 27/09/1993 của Ch phủ; điểm b.3, tiểu mục 2.2, mục 2 phần II Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/08/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị B. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2020/DS-ST ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

1. Ngôi nhà cấp 3 đúc 01 mê và nhà quán một mái cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng thửa đất số: 325, tờ bản đồ số 14, diện tích 605m², tọa lạc tại thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định hiện do vợ chồng ông Nguyễn Mạnh C và bà Trần Thị M

đang quản lý, sử dụng không phải là di sản của vợ chồng cụ Nguyễn Mạnh C và cụ Huỳnh Thị Ph chết để lại.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện Ca thừa kế tài sản là ngôi nhà cấp 3 đúc 01 mê và nhà quán một mái cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng thửa đất số: 325, tờ bản đồ số 14, diện tích 605m², tọa lạc tại thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định hiện do vợ chồng ông Nguyễn Mạnh C và bà Trần Thị M đang quản lý, sử dụng của bà Nguyễn Thị B.

3. Về án phí, C phí tố tụng khác và giải quyết lại vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành:

3.1 Về án phí:

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số: 000188 ngày 08/02/2010 tại C cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Định.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Mạnh C 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số: 008256 ngày 03/10/2012 tại C cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Định.

3.2 Về C phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 2.000.000 đồng C phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp, số tiền này bà B đã ứng C xong.

3.3 Về việc giải quyết lại nghĩa vụ đã được thi hành: C cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình định phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho: Bà Nguyễn Thị B 7.636.400 đồng (đã trừ 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm tại tiểu mục 3.1), bà Nguyễn Thị Bích Th 8.636.400 đồng và các ông, bà Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị Tuyết Nh mỗi người 2.159.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện T;
- C cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

